**BÀI 3: ĐỘNG TỪ ĐIỀU KIỆN**

**Conditional Verb**

**Giới thiệu chung:**

 Động từ điều kiện thường được sử dụng trong các mệnh đề điều kiện như “If…Then…”. Đây cũng là 2 lỗi sai thường gặp của các bạn trong Writing và Speaking IELTS.

* Mục tiêu của bài học:
* Nắm vững 3 loại câu điều kiện
* Nắm vững cách sử dụng “would” như một trợ động từ điều kiện
1. **Câu điều kiện (Conditional sentences)**

Cấu trúc của câu điều kiện If…Then… - Nếu…Thì…

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| If “condition”, then “outcome”**If** you **exercise** regularly, **then** you **will stay** healthy. | If “condition”, “outcome”**If** you **exercise** regularly, you **will stay** healthy.  | “Outcome”, if “condition”You **will stay** healthy, **if** you **exercise** regularly.  |

Vậy một câu điều kiện đầy đủ luôn bao gồm 2 mệnh đề: mệnh đề điều kiện và mệnh đề kết quả, phân tách nhau bằng dấu phẩy. Đây là kiến thức căn bản nhưng vẫn còn bạn dùng dấu chấm hay chỉ viết một mệnh đề trong bài thi viết.

Có 3 loại câu điều kiện:

|  |
| --- |
| Thì của mệnh đề THENThì của mệnh đề IFHiện tại đơnHiện tại đơn**Loại 1**Tương lai đơnQuá khứ đơnQuá khứ đơn**Loại 2** Would + verbWould have + past participleQuá khứ hoàn thành**Loại 3** |

* 1. **Loại 1**

Ta sử dụng câu điều kiện loại một để nói lên một điều gì đó là thói quen hay điều gì đó ta tin có khả năng sẽ diễn ra trong tương lai.

|  |
| --- |
| Thì của mệnh đề THENThì của mệnh đề IFSự thật/thói quenHiện tại đơnHiện tại đơnTương lai đơnSự chắc chắn/khả năng cao |

Ví dụ:

* If my family **goes** out for dinner, it **dines** at Lotteria. (thói quen ở hiện tại và sẽ tiếp tục ở tương lai)
* If my family **goes** out for dinner, it **will dine** at Lotteria. (khả năng cao)
* If you **leave** your money in the bank, you **won’t earn** any interest and it may lose value over time. (khả năng cao)
* Lỗi thường sai: trong mệnh đề kết quả, các bạn dùng **“would + verb”** thay vì dùng “will”.
	1. **Loại 2**

Ta dùng câu điều kiện loại 2 cho thói quen hay những việc ít có khả năng xảy ra trong hiện tại.

|  |
| --- |
| Thì của mệnh đề THENThì của mệnh đề IFQuá khứ đơnSự thật/thói quenWould + verbQuá khứ đơnSự không chắc chắn |

Ví dụ:

* If my family **went** out for dinner, it **dined** at Lotteria. (thói quen ở hiện tại)
* If my family **went** out for dinner, it **would dine** at Lotteria. (sự không chắc chắn, có thể do một vài thành viên trong gia đình tôi không thích đồ ăn nhanh, nên có khả năng thấp là chúng tôi sẽ đến đây)
* If I **invested** my money, it **would grow**. (sự không chắc chắn, tôi nghĩ là tiền của tôi sẽ tang, nhưng mà dạo gần đây tỉ lệ lạm phát đang tang cao, nên tôi không chắc là số tiền đầu tư này sẽ tang)
	1. **Loại 3**

Ta dùng câu điều kiện loại 3 để nói đến những việc chưa xảy ra trong quá khứ.

|  |
| --- |
| Thì của mệnh đề THENThì của mệnh đề IFSự việc chưa diễn raWould have + past participleQuá khứ hoàn thành |

Ví dụ:

* If my family **had gone** out for dinner, it **would have dined** at Lotteria. (gia đình tôi chưa từng ra ngoài đi ăn tối cùng nhau, nhưng mà nếu chúng tôi đi ăn tối, chúng tôi sẽ đến Lotteria)
* If Alex **had travelled** to Europe, he **would have visited** Germany and Italy. (Alex chưa từng đi du lịch đến Châu Âu, nhưng mà nếu anh ấy có đi, anh ấy sẽ đến thăm nước Đức và Ý)

Lưu ý: Một số từ khác có thể thay thế cho IF trong câu điều kiện đó là *Unless, As/so long As, Provided that, In case.* Các bạn lưu ý rằng ngay cả khi dùng những từ thay thế này, thì nguyên tắc về thì của động từ trong 2 mệnh đề là không thay đổi trong bất cứ trường hợp nào, nên để tránh mắc những lỗi sai này, các bạn nên hiểu rõ ý của câu mình đang muốn viết hoặc nói, rồi áp dụng loại câu điều kiện cho phù hợp.